



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 390/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà dân **Mã số/Code:** 240541/96
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Hoàng Đình Tuyển
Xóm 4 - Xã Quỳnh Thạch - Huyện Quỳnh Lưu – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 15h00 ngày 25/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Ths Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ 25/5/2024 đến 04/6/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,5
4	Màu sắc**	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	5,31
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,62
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /

The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017

6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,41
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	82
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,098
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,125
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	128
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT



HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

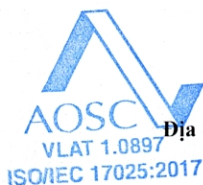
Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 389/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà dân **Mã số/Code:** 240541/95
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Ủy Ban Nhân Dân Xã Quỳnh Thạch
Xóm 4 - Xã Quỳnh Thạch - Huyện Quỳnh Lưu – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 15h00 ngày 25/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Ths Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ 25/5/2024 đến 04/6/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,15
4	Màu sắc**	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402- 1:2020	2	6,92
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,62
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- *Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
- 6**Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,47
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	5,32
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	78
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,095
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,106
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500- FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	117
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

LAB

TRƯỞNG KHOA

HEAD OF DEPARTMENT

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY







Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- *Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- 6**Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 388/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà máy **Mã số/Code:** 240541/94
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Trạm cấp nước Quỳnh Thạch
Xóm 13 - Xã Quỳnh Thạch - Huyện Quỳnh Lưu – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 15h00 ngày 25/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Ths Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ 25/5/2024 đến 04/6/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,12
4	Màu sắc**	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402- 1:2020	2	6,36
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,65
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tesis are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,41
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	78
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,096
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,076
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	121
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

LAB

TRƯỞNG KHOA

HEAD OF DEPARTMENT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KHOA KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
T. NGHỆ AN**

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- *Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
- **Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 397/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240539/93
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Trương Thị Lợi
Khối Tân Thành - Phường Hoà Hiếu - Thị xã Thái Hoà – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 15h00 ngày 25/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Ths Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 25/5/2024 đến 04/6/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,54
4	Màu sắc**	TCU	TCVN 6185:2015	15	2
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,45
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,3
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- *Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
- **Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,92
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	66
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,093
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,555
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	109
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

TRƯỞNG KHOA

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

LAB

HEAD OF DEPARTMENT

VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 396/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240540/92
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Đào Văn Quang
Khởi Quyết Thắng - Phường Hoà Hiếu - Thị xã Thái Hoà – Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai (có niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 15h00 ngày 25/05/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Ths Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 25/5/2024 đến 04/6/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,64
4	Màu sắc**	TCU	TCVN 6185:2015	15	2
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402- 1:2020	2	0,42
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,34
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,51
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	68
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,092
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,513
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	103
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 395/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà máy **Mã số/Code:** 240540/91
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Công ty cổ phần cấp nước Thái Hoà
Phường Hoà Hiếu - Thị xã Thái Hoà – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 15h00 ngày 25/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Ths Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ 25/5/2024 đến 04/6/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,67
4	Màu sắc**	TCU	TCVN 6185:2015	15	4
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402- 1:2020	2	0,36
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,22
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017

6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,9
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	64
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,089
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,464
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	103
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

LAB

TRƯỞNG KHOA

HEAD OF DEPARTMENT

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR**

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017**Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 384/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà dân **Mã số/Code:** 240539/90
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Cao Khánh Toàn
Khối 9 - Thị trấn Quỳnh Hợp – Huyện Quỳnh Hợp – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 15h00 ngày 25/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Ths Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ 25/5/2024 đến 04/6/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,54
4	Màu sắc**	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,4
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,2
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /

The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017

6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	< 0,5
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	66
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,089
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,345
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	108
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

LAB

TRƯỞNG KHOA

HEAD OF DEPARTMENT

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/* Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/** Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 383/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà dân **Mã số/Code:** 240539/89
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Nguyễn Văn Hùng
Khối 13 - Thị trấn Quỳnh Hợp – Huyện Quỳnh Hợp – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 15h00 ngày 25/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Ths Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ 25/5/2024 đến 04/6/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,7
4	Màu sắc**	TCU	TCVN 6185:2015	15	1
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,32
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,16
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- *Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
- **Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,47
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	64
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,091
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,375
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500- FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	105
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

VLAT 1.0897 Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
ISO/IEC 17025:2017 140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 382/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà máy **Mã số/Code:** 240539/88
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Trạm cấp nước Quỳnh Hợp
Thị trấn Quỳnh Hợp – Huyện Quỳnh Hợp – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 15h00 ngày 25/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Ths Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ 25/5/2024 đến 04/6/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,72
4	Màu sắc**	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402- 1:2020	2	0,37
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,03
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /

The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area credited ISO/IEC 17025:2017

6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	< 0,5
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	64
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,087
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,324
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	102
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

LAB

TRƯỞNG KHOA

HEAD OF DEPARTMENT

**KIỂM GIÁM ĐỌC
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR**

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No : 381/PKN-KSBT
TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240538/87
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Hoàng Văn Hải
Khối 4 - Thị trấn Tân Lạc – Huyện Quỳnh Châu – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 15h00 ngày 25/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Ths Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 25/5/2024 đến 04/6/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,74
4	Màu sắc**	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,13
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	6,68
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /

The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017

6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ.**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Thông số vô cơ					
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,6
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	40
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,095
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,417
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500- FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	110
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No : 380/PKN-KSBT
TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 240538/86
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Trần Thị Hạnh
Khối 3 - Thị trấn Tân Lạc – Huyện Quỳnh Châu – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 15h00 ngày 25/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Ths Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 25/5/2024 đến 04/6/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,72
4	Màu sắc**	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402- 1:2020	2	0,14
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	6,71
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /

The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area credited ISO/IEC 17025:2017

6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,66
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	36
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,093
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,397
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500- FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	112
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

LAB

TRƯỞNG KHOA

HEAD OF DEPARTMENT

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghienpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 379/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy nhà máy **Mã số/Code:** 240538/85
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Trạm cấp nước Quỳnh Châu
Khối 2 - Thị trấn Tân Lạc – Huyện Quỳnh Châu – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai (có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 15h00 ngày 25/05/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Ths Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ 25/5/2024 đến 04/6/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,79
4	Màu sắc**	TCU	TCVN 6185:2015	15	0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402- 1:2020	2	0,21
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	6,65
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017. *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,51
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	34
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,091
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,365
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	101
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

LAB

TRƯỞNG KHOA

HEAD OF DEPARTMENT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR**

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY



Dương Thị Thảo



Trần Thị Quyên



Cao Thúy Trinh



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors